

Bản án số: 34/2020/HS-ST

Ngày: 06.5.2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mạnh.
2. Bà Lê Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 218/2019/TLST-HS, ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Công T**, sinh ngày 01/7/1967; Tại: huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Số 305, Góc 4, đường L T K, phường P H T, Quận H B, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký tạm trú: C8, Chợ B S, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện tại: Số 305, Góc 4, đường L T K, phường P H T, Quận H B, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề kinh doanh; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Công L và bà Lê Thị D; Vợ: Phạm Thị Kim O; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

Họ và tên: **Đặng Văn T1**, sinh ngày 06/6/1998; Tại: huyện K C, tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKTT: Xã I K, huyện I G, tỉnh Gia Lai; Tạm trú: C8, Chợ B S, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện tại: Xã I K, huyện I G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Đặng Thị H (Cha bỏ đi khi bị cáo còn nhỏ, nên chưa xác

định được); Vợ, con: Chưa có. Anh ruột: 01 người, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Danh K, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 342/52/2, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Tăng Bé N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 153/1 đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Thị L1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 1/5, tổ 3, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

4. Lê Thị M, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

5. Dương Minh T2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 487/20/3A N T T, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

6. Huỳnh Thị Mộng L2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 15/13, đường S T A, phường V B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

7. Đỗ Thị Thanh T3, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 859/36, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Trần Thị L3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 479, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

9. Nguyễn Thị Thùy K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 17, đường N V C, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

10. Nguyễn Trường G, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 21/206, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

11. Trần Thị C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 504, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

12. Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 10, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

13. Tăng Thị N1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 10, Hẻm 1, đường N T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

14. Nguyễn Thị Tuyết N2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 74/18, đường T K D, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

15. Lê Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố D O, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

16. Châu Thị Mai E, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
17. Cao Hữu L4, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 19, khu phố T C, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
18. Phan Kim D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 65/33, đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
19. Lê Tuấn K1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 213/1, đường M T H H, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
20. Bùi Thanh Tr; Địa chỉ: Số 474/12, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
21. Võ Quốc T5, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 210 đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
22. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 1007/17, đường L Q K, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
23. Châu Thị Kim L5, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T H, xã T L, huyện C T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
24. Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1984; Địa chỉ: L8-22 khu chung cư thu nhập thấp phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
25. Nguyễn Thị Ngọc L6, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 75/14/24, đường Q T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
26. Huỳnh Bé S, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 105/8 đường N A N, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
27. Võ Văn N3, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 474/6, đường N T T, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
28. Nguyễn Thị Ngọc T7, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 2, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
29. Trần Văn Việt Kh, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 65/19, đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
30. Dương Văn T8, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 65/33, đường T H Đ phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
31. Hồ Thị Q, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 28/10, đường S T A, phường V B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
32. Phù Chí S1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 29/6, Hẻm 1, đường N T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

33. Lê Thúy A, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 8/18, đường H M Đ, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
34. Lê Hồng T9, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 88, đường Đ D, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
35. Lê Thị Hồng G, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 460, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
36. Lê Thị S2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 74/37/1, đường T K D, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
37. Phạm Văn E1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 683/29, đường T K D, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
38. Đường Thị Thu T9, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 20, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
39. Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 65, đường T Q T, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
40. Diệp Thị N4, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 11/281, đường N T Đ, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
41. Mạch Thị Bích T10, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 246/29, đường M C, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
42. Nguyễn Thị T11, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 79/9, đường M C, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
43. Lưu Bích T12, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 228/12, đường N T H, Phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
44. Ong Thị U, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 65/28 đường T H Đ phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
45. Trần Kim C2, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ 11, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
46. Bùi Thanh T13, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 77/18A, đường C V A, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
47. Dương Thanh V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 153/5/3 đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
48. Phạm Thị Hồng L7, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 63/632, tổ 17, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
49. Lâm Ngọc T14, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 153/5/5, đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

50. Phạm Thị T15, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 783, đường N T Đ, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
51. Nguyễn Thị Thu V1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 779, đường N T Đ, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
52. Ngô Thị H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 13, đường N T R, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
53. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 679/10, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
54. Lý Thị N5, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 328/1, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
55. Lý Thị N6, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 328/28, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
56. Trần Thị Hồng T16, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 377/13, đường N T T, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
57. Nguyễn Thị Bích T17, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
58. Trần Thị T18, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 15/9, đường P V Tr, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
59. Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 56, Tổ 1, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
60. Đường Văn T19, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 371/27A, đường L Q K, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
61. Phạm Tuyết H2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 135, đường L Q Đ, phường A B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
62. Nguyễn Thị Mỹ L8, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 777, đường N T Đ, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
63. Phan Tuyết H3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 135, đường L Q Đ, phường A B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
64. Cao Thị Mỹ V3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 105/69 đường L Q Đ, phường A B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
65. Nguyễn Trần H4, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 926/12/5 đường N T T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
66. Nguyễn Thị Thu T20, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 39/17, đường T P, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

67. Tăng Thị T21, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 103/41B, đường Q T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

68. Nguyễn Thị Phương T22, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 4/40C, khu phố D O, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

69. Trần Thị C3, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 4/40C, khu phố D O, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

70. Nguyễn Thị U1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 32, khu phố T C, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

71. Lâm Chúng H5, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 78 ấp T Đ, xã G T, huyện C T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

72. Nguyễn Thị Ngọc P1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

73. Phan Thị Huỳnh N7, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 91/7/7A, đường N T T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

74. Nguyễn Thị M1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 591B, đường L Q K, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

75. Võ Thị Bé H6, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 1074, ấp P L, xã M T B, huyện C T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

76. Võ Thị Kim L9, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 65/5, đường T P, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

77. Tăng Thanh T23, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 19/7/3, đường T Q T, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

78. Trần Thị Thúy H7, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 56/547, khu phố V P, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

79. Mai Thanh T24, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 227, đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

80. Trần Thị N8, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 9 đường S T A, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

81. Mã Văn G1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 67 đường Đ D, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

82. Nguyễn Hoàng H8, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 10, đường P N L, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

83. Nguyễn Thanh S3, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 9, đường S T A, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

84. Trần Thị Thu C4, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 65/11/5, đường T P, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
85. Kim H9, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 165/4, đường Q T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
86. Phan Thị Bạch T25, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 683/6A, đường T K D, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
87. Lê Thị Tuyết H10, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 19, khu phố T C, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
88. Vũ Thị M2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 174/16B, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
89. Trần Đức K2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 38, đường N T, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
90. Huỳnh Thị T26, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 22/3, đường L T H G, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
91. Danh Thị L10, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 328/26, đường N Q, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
92. Nguyễn Thị Kim C5, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 106/35/67, đường N T H, phường V B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
93. Trần Thị Hiền H11, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 856, đường N T Đ, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
94. Lê Sơn T27, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 174/20, đường N B K, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
95. Lê Tuyết N9, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 377/14, đường N T T, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
96. La Thị Thu H12, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 56/1, đường N T H, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
97. Văn Thanh T28, sinh năm 1972; Địa chỉ: B13-39, đường H L, phường V B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
98. Nguyễn Thị Ngọc T29, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 5/49, tổ 19, khu phố D O, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).
99. Nguyễn Thị D1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 47, đường C L, phường V B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt, có đơn vắng mặt)
100. Huỳnh Thị M3, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 15, khu phố M P, thị trấn M L, huyện C T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

101. Đỗ Cà B1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 381, đường M C, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

102. Trần Thanh T30, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 65/11, đường T H Đ, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

103. Mai Văn T31, sinh năm 1970; **Địa chỉ: Số 581/45N, đường H B T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).**

104. Phạm Minh T32, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 39/11, đường T P, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

105. Tô Thị Thùy T33, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 581/33A, đường H B T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

106. Lý Thị H13, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 195/18, đường T P, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

107. Nguyễn Thị Thu H14, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 246/31, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

108. Lê Thị Thu T34, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 65/11/17 đường T P, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

109. Nguyễn Thành P2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

110. Nguyễn Kim H15, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp H G, xã M L, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

111. Mai Thanh T35, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 25/2, đường T C C, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

112. Huỳnh Văn V2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 21/3 đường P N L, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích thu lợi bất chính, Lê Công T đến thành phố R G, tỉnh Kiên Giang để hoạt động cho vay lãi nặng từ khoảng tháng 01 năm 2018. Lê Công T mở cơ sở kinh doanh vé máy bay tên Quân Phát tại số C8 chợ B S, phường V L, thành phố R G nhằm mục đích che giấu hoạt động cho vay lãi nặng. Tại đây, Lê Công T là người trực tiếp tiến hành các hoạt động cho vay và thuê Đặng Văn T1 làm thủ tục cho vay và đi thu tiền vay cho Lê Công T. Hình thức vay là khi người vay có nhu cầu vay tiền thì đem sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ tùy thân có liên quan bằng bản gốc

đến thế chấp. Sau đó, Lê Công T hoặc Đặng Văn T1 đi đến địa chỉ của người vay tiền xác minh, kiểm tra nếu thấy hợp lệ và đúng thì cho vay. Sau khi làm thủ tục cho vay thì Lê Công T còn yêu cầu người vay làm thêm một hợp đồng **thuê** xe để hợp thức hóa việc cho vay lãi nặng. Số tiền Lê Công T cho người vay từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, bằng hình thức trả góp, mỗi ngày góp từ 100.000 đồng đến 480.000 đồng, trả trong thời gian từ 36 đến 50 ngày, với lãi suất dao động thấp nhất từ 12% đến 17%/tháng, tương đương từ 144% đến 204%/năm (theo quy định của Bộ luật hình sự thì lãi suất cho phép là không được gấp 05 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, tương đương không được quá 8,34%/tháng hoặc không quá 100%/năm. Trong đó, tiền thu lợi bất chính là mức lãi suất vượt quá 8,34%/tháng). Trong thời gian hoạt động, Lê Công T đã cho nhiều người vay với tổng số tiền là 833.500.000 triệu đồng, tiền lãi suất ở mức 8,34%/tháng là 97.564.100 đồng, tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay (tiền lãi suất vượt 8,34%/tháng) là 46.180.821 đồng.

Bằng hình thức như trên, Lê Công T đã cho vay tổng số 112 trường hợp. Trong đó, có 41 trường hợp đã thu tiền gốc, lãi hoàn thành với tổng số tiền gốc là: 295.000.000 đồng, tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 39.865.200 đồng, tiền thu lợi bất chính là 19.134.800 đồng. Cụ thể:

1. Vào ngày 24/02/2019, Tăng Bé N vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị N đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.334.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 665.600 đồng.

2. Vào ngày 24/02/2019, Thị L1 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị L1 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

3. Vào ngày 20/01/2019, Lê Thị M vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị M đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

4. Vào ngày 15/02/2019, Dương Minh T2 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T2 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

5. Vào ngày 25/02/2019, Huỳnh Thị Mộng L2 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất

12,5%. Chị L2 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.334.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 665.600 đồng.

6. Vào ngày 27/02/2019, Đỗ Thị Thanh T3 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T3 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

7. Vào ngày 28/7/2018, Trần Thị L3 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị L3 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

8. Vào ngày 21/02/2019, Nguyễn Thị Thùy K vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị K đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đúng quy định cho phép là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

9. Vào ngày 11/3/2019, Nguyễn Trường G vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh G đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

10. Vào ngày 04/3/2019, Trần Thị C vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị C đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

11. Vào ngày 05/3/2019, Nguyễn Thị Thùy Tr vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị Tr đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 533.760 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 266.240 đồng.

12. Vào ngày 21/02/2019, Tăng Thị N1 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị N1 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.067.520 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 532.480 đồng.

13. Vào ngày 18/02/2019, Nguyễn Thị Tuyết N2 vay của Lê Công T số tiền 12.500.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, lãi suất 12%. Chị N2 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.737.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 762.500 đồng.

14. Vào ngày 04/3/2019, Lê Thị M vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị M đã đóng đủ

50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

15. Vào ngày 08/3/2019, Châu Thị Mai E vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị E đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.067.520 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 532.480 đồng.

16. Vào ngày 08/3/2019, Cao Hữu L4 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh L4 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

17. Vào ngày 15/3/2019, Phan Kim D vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 40 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 15%. Chị D đã đóng đủ 40 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 889.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 710.400 đồng.

18. Vào ngày 20/02/2019, Lê Tuấn K1 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Anh K1 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

19. Vào ngày 18/02/2019, Bùi Thanh Tr vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh Tr đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

20. Vào ngày 09/3/2019, Võ Quốc T5 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12,5%. Vợ anh T5 là chị Huỳnh Thị Hoàng M đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.067.520 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 532.480 đồng.

21. Vào ngày 26/02/2019, Nguyễn Ngọc B vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị B đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

22. Vào ngày 05/3/2019, Châu Thị Kim L5 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị Loan đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

23. Vào ngày 11/3/2019, Nguyễn Ngọc T6 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị T6 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.334.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 665.600 đồng.

24. Vào ngày 17/3/2019, Nguyễn Thị Ngọc L6 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị L6 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.334.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 665.600 đồng.

25. Vào ngày 05/3/2019, Huỳnh Bé S vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị S đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

26. Vào ngày 23/02/2019, Võ Văn N3 vay của Lê Công T số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 36 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 16,7%. Anh N3 đã đóng đủ 36 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 300.240 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 299.760 đồng.

27. Vào ngày 12/3/2019, Nguyễn Thị Ngọc T7 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị Thảo đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

28. Vào ngày 21/02/2019, Trần Văn Việt Kh vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh Kh đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

29. Vào ngày 18/02/2019, Dương Văn T8 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Anh T8 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

30. Vào ngày 13/02/2019, Hồ Thị Q vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị Q đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

31. Vào ngày 12/02/2019, Phù Chí S1 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh Sơn đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

32. Vào ngày 15/02/2019, Lê Thúy A vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị Á đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

33. Vào ngày 19/02/2019, Lê Hồng T9 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị T9 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

34. Vào ngày 07/3/2019, Lê Thị Hồng G vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị G đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

35. Vào ngày 09/3/2019, Lê Thị S2 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị S2 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

36. Vào ngày 14/02/2019, Phạm Văn E1 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh E1 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

37. Vào ngày 19/02/2019, Đường Thị Thu T9 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T9 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

38. Vào ngày 21/02/2019, Nguyễn Ngọc C1 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Anh C1 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

39. Vào ngày 21/02/2019, Diệp Thị N4 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị N4 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

40. Vào ngày 20/02/2019, Mạch Thị Bích T10 vay của Lê Công T số tiền 12.500.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T10 đã đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.737.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 762.500 đồng.

41. Vào ngày 19/02/2019, Nguyễn Thị T11 vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị T11 đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 533.760 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 266.240 đồng.

** Còn lại 71 trường hợp vẫn đang trong giai đoạn thu hồi, trong đó tiền gốc cho vay là 538.500.000 đồng, tiền lãi suất ở mức 8,34%/tháng là 57.698.900 đồng, tiền lãi suất thu lợi bất chính là 27.046.021. Cụ thể:*

1. Vào ngày 25/12/2018, Lưu Bích T12 vay của Lê Công T số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 36 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 16,7%. Chị T12 đã đóng đủ 36 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 300.240 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 299.760 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 26/02/2019, Lưu Bích T12 còn vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T12 đóng được 46 ngày với tổng số tiền là 11.040.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.278.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 561.200 đồng.

2. Vào ngày 13/02/2019, Ông Thị U vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị U đã đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 24/3/2019, Ông Thị U còn vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị U đã đóng được 28 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 467.040 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 232.960 đồng.

3. Vào ngày 05/3/2019, Trần Kim C2 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị C2 đóng được 36 ngày với tổng số tiền là 4.320.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 500.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 219.600 đồng.

4. Vào ngày 24/01/2019, Bùi Thanh T13 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T13 đóng được 45 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 625.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.500 đồng.

5. Vào ngày 18/01/2019, Dương Thanh V vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 12,5%. Anh V đóng được 31 ngày với tổng số tiền là 7.750.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 861.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 429.867 đồng.

6. Vào ngày 06/3/2019, Phạm Thị Hồng L7 vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị L7 đóng được 38 ngày với tổng số tiền là 3.800.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 422.560 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 210.773 đồng.

7. Vào ngày 20/01/2019, Lâm Ngọc T14 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị T14 đóng được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 400.320 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 199.680 đồng.

8. Vào ngày 26/02/2019, Phan Thị T36 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T36 đóng được 45 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 625.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.500 đồng.

9. Vào ngày 13/02/2019, Nguyễn Thị Thu V1 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị V1 đóng được 19 ngày với tổng số tiền là 2.280.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 264.100 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 115.900 đồng.

10. Vào ngày 08/3/2019, Ngô Thị H1 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị Hoa đóng được 45 ngày với tổng số tiền là 6.750.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 750.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 374.400 đồng.

11. Vào ngày 02/3/2019, Nguyễn Thị H2 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị H1 đóng được 43 ngày với tổng số tiền là 6.450.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 717.240 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 357.760 đồng.

12. Vào ngày 11/3/2019, Lý Thị N5 vay của Lê Công T số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị N5 đóng được 47 ngày với tổng số tiền là 23.500.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 2.613.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.303.467 đồng.

13. Vào ngày 25/02/2019, Lý Thị N6 vay của Lê Công T số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 360.000 đồng, lãi suất 12%. Chị N6 đóng được 47 ngày với tổng số tiền là 16.920.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.959.900 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 860.100 đồng.

14. Vào ngày 15/02/2019, Trần Thị Hồng T16 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị T16 đóng được 43 ngày với tổng số tiền là 8.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 956.320 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 477.013 đồng.

15. Vào ngày 01/3/2019, Nguyễn Thị Bích T17 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị T17 đóng được 42 ngày với tổng số tiền là 10.500.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.167.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 582.400 đồng.

16. Vào ngày 01/3/2019, Trần Thị T18 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T18 đóng được 44 ngày với tổng số tiền là 5.280.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 611.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 268.400 đồng.

17. Vào ngày 05/3/2019, Nguyễn Thị P vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị P đóng được 29 ngày với tổng số tiền là 2.900.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 322.480 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 160.853 đồng.

18. Vào ngày 09/3/2019, Đường Văn T19 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T19 đóng được 45 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 625.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.500 đồng.

19. Vào ngày 25/02/2019, Phan Tuyết H16 vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị H16 đóng được 43 ngày với tổng số tiền là 4.300.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 478.160 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 238.507 đồng.

20. Vào ngày 28/02/2019, Nguyễn Thị Mỹ L8 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị L8 đóng được 44 ngày với tổng số tiền là 6.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 733.920 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 366.080 đồng.

21. Vào ngày 25/02/2019, Phan Tuyết H3 vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12,5%. Chị H3 đóng được 40 ngày với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 444.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 221.867 đồng.

22. Vào ngày 10/3/2019, Cao Thị Mỹ V3 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị V3 đóng được 38 ngày với tổng số tiền là 9.120.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.056.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 463.600 đồng.

23. Vào ngày 26/02/2019, Nguyễn Trần H4 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12,5%. Anh H4 đóng được 43 ngày với tổng số tiền là 6.450.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 717.240 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 357.760 đồng.

24. Vào ngày 09/3/2019, Nguyễn Thị Thu T20 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T20 đóng được 44 ngày với tổng số tiền là 5.280.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 611.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 268.400 đồng.

25. Vào ngày 12/3/2019, Tăng Thị T21 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T21 đóng được 35 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 486.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 213.500 đồng.

26. Vào ngày 06/3/2019, Nguyễn Thị Phương T22 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T22 đóng được 42 ngày với tổng số tiền là 5.040.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 583.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 256.200 đồng.

27. Vào ngày 03/3/2019, Trần Thị C3 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị C3 đóng được 47 ngày với tổng số tiền là 5.640.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 653.300 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 286.700 đồng.

28. Vào ngày 23/02/2019, Nguyễn Thị U1 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị U1 đóng được 44 ngày với tổng số tiền là 5.280.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 611.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 268.400 đồng.

29. Vào ngày 04/3/2019, Lâm Chúng H5 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12,5%. Anh H5 đóng được 36 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 800.640 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 399.360 đồng.

30. Vào ngày 01/3/2019, Nguyễn Thị Ngọc P1 vay của Lê Công T số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 36 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 16,7%. Chị P1 đóng được 25 ngày với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 208.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 209.000 đồng.

31. Vào ngày 19/3/2019, Phan Thị Huỳnh N7 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị N7 đóng được 35 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 486.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 213.500 đồng.

32. Vào ngày 15/02/2019, Nguyễn Thị M1 vay của Lê Công T số tiền 12.500.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, lãi suất 12%. Chị M1 đóng được 40 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.390.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 610.000 đồng.

33. Vào ngày 06/3/2019, Võ Thị Bé H6 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H6 đóng được 48 ngày với tổng số tiền là 11.520.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.334.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 585.600 đồng.

34. Vào ngày 17/02/2019, Võ Thị Kim L9 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị L9 đóng được 31 ngày với tổng số tiền là 3.720.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 430.900 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 189.100 đồng.

35. Vào ngày 23/02/2019, Tăng Thanh T23 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T23 đóng được 49 ngày với tổng số tiền là 5.880.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 681.100 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 298.900 đồng.

36. Vào ngày 26/02/2019, Trần Thị Thúy H7 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H7 đóng được 46 ngày với tổng số tiền là 5.520.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 639.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 280.600 đồng.

37. Vào ngày 23/3/2019, Mai Thanh T24 vay của Lê Công T số tiền 3.000.000 đồng, trả góp trong vòng 36 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 16,7%. Anh T24 đóng được 30 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 250.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 249.799 đồng.

38. Vào ngày 01/3/2019, Trần Thị N8 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị N8 đóng được 46 ngày với tổng số tiền là 11.040.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.278.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 561.200 đồng.

39. Vào ngày 09/3/2019, Mã Văn G1 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh G1 đóng được 42 ngày với tổng số tiền là 5.040.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 583.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 256.200 đồng.

40. Vào ngày 22/02/2019, Nguyễn Hoàng H8 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh H8 đóng được 45 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 625.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.500 đồng.

41. Vào ngày 13/3/2019, Nguyễn Thanh S3 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh S3 đóng được 34 ngày với tổng số tiền là 8.160.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 945.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 414.800 đồng.

42. Vào ngày 22/6/2019, Trần Thị Thu C4 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị C4 đóng được 36 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 600.480 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 299.520 đồng.

43. Vào ngày 05/3/2019, Kim H9 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H9 đóng được 42 ngày với tổng số tiền là 5.040.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 583.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 256.200 đồng.

44. Vào ngày 12/02/2019, Phan Thị Bạch T25 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T25 đóng được 39 ngày với tổng số tiền là 4.680.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 542.100 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 237.900 đồng.

45. Vào ngày 01/3/2019, Lê Thị Tuyết H10 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị H10 đóng được 46 ngày với tổng số tiền là 9.200.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.023.040 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 510.293 đồng.

46. Vào ngày 17/02/2019, Vũ Thị M2 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị M2 đóng được 42.5 ngày với tổng số tiền là 8.500.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 945.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 471.467 đồng.

47. Vào ngày 12/02/2019, Trần Đức K2 vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12.5%. Anh K2 đóng đủ 48 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 533.760 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 266.240 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 22/3/2019, Trần Đức K2, còn vay của Lê Công T số tiền 4.000.000 đồng, góp trong vòng 48 ngày, ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 12.5%. Hiện tại, anh K2 đóng được 21 ngày số tiền là 2.100.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 233.520 đồng, tiền lãi bất chính là 116.480 đồng.

48. Vào ngày 10/3/2019, Huỳnh Thị T26 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị T26 đóng được 42 ngày với tổng số tiền là 5.040.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 583.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 256.200 đồng.

49. Vào ngày 08/3/2019, Danh Thị L10 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị L10 đóng được 33 ngày với tổng số tiền là 4.950.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 550.440 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.560 đồng.

50. Vào ngày 14/3/2019, Danh K vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12.5%. Anh K đóng được 33 ngày với tổng số tiền là 4.950.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 550.440 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.560 đồng.

51. Vào ngày 11/3/2019, Nguyễn Thị Kim C5 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị C5 đóng được 32 ngày với tổng số tiền là 6.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 711.680 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 354.987 đồng.

52. Vào ngày 08/3/2019, Trần Thị Hiền H11 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H11 đóng được 41 ngày với tổng số tiền là 9.840.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.139.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 500.200 đồng.

53. Vào ngày 22/10/2018, Lê Sơn T27 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12.5%. Anh T27 đóng được 22 ngày với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 366.960 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 183.040 đồng.

54. Vào ngày 07/12/2018, Lê Tuyết N9 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị N9 đóng được 44 ngày với tổng số tiền là 8.800.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 978.560 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 488.107 đồng.

55. Vào ngày 02/3/2019, La Thị Thu H12 vay của Lê Công T số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 360.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H12 đóng được 37 ngày với tổng số tiền là 13.320.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.542.900 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 677.100 đồng.

56. Vào ngày 19/3/2019, Văn Thanh T28 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T28 đóng được 23 ngày với tổng số tiền là 5.520.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 639.400 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 280.600 đồng.

57. Vào ngày 26/02/2019, Nguyễn Thị Ngọc T29 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T29 đóng được 41 ngày với tổng số tiền là 4.920.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 569.900 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 250.100 đồng.

58. Vào ngày 01/02/2019, Nguyễn Thị D1 vay của Lê Công T số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 480.000 đồng, lãi suất 12%. Chị D1 đóng đủ 50 ngày với tổng số tiền là 24.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 2.780.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.220.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 24/3/2019, Nguyễn Thị D1, còn vay của Lê Công T số tiền 20.000.000 đồng, góp trong vòng 50 ngày, ngày góp 480.000 đồng, lãi suất 12%. Hiện tại, chị D1 đóng được 36 ngày với số tiền 17.280.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 2.001.600 đồng, tiền lãi bất chính là 878.400 đồng.

59. Vào ngày 14/3/2019, Huỳnh Thị M3 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị M3 đóng được 39 ngày với tổng số tiền là 9.750.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.084.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 540.800 đồng.

60. Vào ngày 01/3/2019, Đỗ Cà B1 vay của Lê Công T số tiền 8.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị B1 đóng được 40 ngày với tổng số tiền là 8.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 889.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 443.733 đồng.

61. Vào ngày 20/3/2019, Trần Thanh T30 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T30 đóng được 34 ngày với tổng số tiền là 4.080.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 472.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 207.400 đồng.

62. Vào ngày 27/02/2019, Mai Văn T31 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T31 đóng được 45 ngày với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 625.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 274.500 đồng.

63. Vào ngày 10/3/2019, Phạm Minh T32 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T32 đóng được 25 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 347.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 152.500 đồng.

64. Vào ngày 25/10/2018, Tô Thị Thùy T33 vay của Lê Công T số tiền 6.000.000 đồng, trả góp trong vòng 48 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, lãi suất 12.5%. Chị T33 đóng được 34 ngày với tổng số tiền là 5.100.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 567.120 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 282.800 đồng.

65. Vào ngày 08/7/2018, Lý Thị H13 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H13 đóng được 17 ngày với tổng số tiền là 4.080.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 472.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 207.400 đồng.

66. Vào ngày 06/02/2018, Nguyễn Thị Thu H14 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H14 đóng được 44 ngày với tổng số tiền là 5.280.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 611.600 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 268.400 đồng.

67. Vào ngày 07/11/2018, Lê Thị Thu T34 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị T34 đóng được 12 ngày với tổng số tiền là 1.440.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 166.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 73.200 đồng.

68. Vào ngày 14/02/2019, Nguyễn Thành P2 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh P2 đóng được 25 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 695.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 305.000 đồng.

69. Vào ngày 08/3/2019, Nguyễn Kim H15 vay của Lê Công T số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 120.000 đồng, lãi suất 12%. Chị H15 đóng được 38 ngày với tổng số tiền là 4.560.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 528.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 231.800 đồng.

70. Vào ngày 18/4/2018, Mai Thanh T35 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh T35 đóng được 34 ngày với tổng số tiền là 8.160.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 945.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 414.800 đồng.

71. Vào ngày 23/01/2019, Huỳnh Văn V2 vay của Lê Công T số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày góp 240.000 đồng, lãi suất 12%. Anh V2 đóng được 40 ngày với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi ở mức 8,34%/tháng là 1.112.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 488.000 đồng.

Ngày 31/3/2019, ông Danh K đến Công an phường V L tố cáo hành vi cho vay lãi nặng của Lê Công T và Đặng Văn T1. Đến ngày 17/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Công T, Đặng Văn T1 để điều tra.

** Vật chứng trong vụ án:*

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất mang tên Nguyễn Trọng H17 và Vũ Thị M2;

+ 112 (một trăm mười hai) bộ hồ sơ vay tiền gồm có chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gốc, giấy bàn giao xe và hợp đồng thuê xe (có chữ ký xác nhận của Lê Công T);

+ 16 (mười sáu) danh sách thu tiền của khách hàng có chữ ký xác nhận của Lê Công T, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56A8021959 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 031015073 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 231165739 mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng;

+ 02 giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát 68G1-276.52 và 68S1-07475, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, dạng bàn phím, số Imei 1: 359000091431772; số Imei 2: 359000091931771, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số: 224/CT-VKS ngày 21/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo: Lê Công T và Đặng Văn T1 – Về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1 Điều 17, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Công T 02 năm 06 tháng (hai năm sáu tháng) cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo không có nghề nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định.

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1 Điều 17, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T1 02 năm (hai năm) cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo không có nghề nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định.

* Về xử lý vật chứng **và biện pháp tư pháp:** Đề nghị HĐXX áp dụng **khoản 1 Điều 46**, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Đề nghị trả lại cho chủ sở hữu Lê Công T và Đặng Văn T1:* 01 giấy chứng minh nhân dân số 031015073 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân số 231165739 mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng;

+ **Đề nghị lưu vào hồ sơ vụ án 16 danh sách thu tiền của khách hàng có chữ ký xác nhận của Lê Công T, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56A8021959 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng. Vì đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không đề nghị tịch thu tiêu hủy.**

- Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, dạng bàn phím, số Imei 1: 359000091431772; số Imei 2: 359000091931771, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho 112 người vay tiền của Lê Công T các giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ liên quan khác theo Quyết định xử lý vật chứng số 89, ngày 02/10/2019. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã trao trả xong.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1: 02 giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát 68G1-276.52 và 68S1-07475, đã qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng, đã qua sử dụng do chứng minh không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã trao trả xong.

+ Trả lại cho Vũ Thị M2: 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất mang tên Nguyễn Trọng H17 và Vũ Thị M2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã trao trả xong.

* Về biện pháp tư pháp:

- Đề nghị bị cáo Lê Công T trả lại cho những người vay số tiền lãi suất vượt mức 1,66%/tháng mà bị cáo đã thu. Số tiền trả cho từng người vay cụ thể như sau: Tăng Bé N: 1.733.334 đồng; Thị L1: 861.667 đồng; Lê Thị M: 861.667 đồng; Dương Minh T2: 861.667 đồng; Huỳnh Thị Mộng L2: 1.733.334 đồng; Đỗ Thị Thanh T3: 861.667 đồng; Trần Thị L3: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Thùy K: 861.667 đồng; Nguyễn Trường G: 861.667 đồng; Trần Thị C: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Thùy Tr: 693.760 đồng; Tăng Thị N1: 1.387.520 đồng; Nguyễn Thị T11 N2: 2.154.267 đồng; Lê Thị M: 861.667 đồng; Châu Thị Mai E: 1.387.520 đồng; Cao Hữu L4: 1.723.334 đồng; Phan Kim D: 1.422.934 đồng; Lê Tuấn K1: 1.040.640 đồng; Bùi Thanh Tr: 1.723.334 đồng; Võ Quốc T5: 1.387.520 đồng; Nguyễn Ngọc B: 1.040.640 đồng; Châu Thị Kim L5: 1.723.334 đồng; Nguyễn Ngọc T6: 1.734.400 đồng; Nguyễn Thị Ngọc L6: 1.734.400 đồng; Huỳnh Bé S: 1.040.640 đồng; Võ Văn N3: 540.240 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T7: 1.723.334 đồng; Trần Văn Việt Kh: 1.723.334 đồng; Dương Văn T8: 1.040.640 đồng; Hồ Thị Q: 1.040.640 đồng; Phù Chí S1: 861.667 đồng; Lê Thúy A: 1.040.640 đồng; Lê Hồng T9: 1.040.640 đồng; Lê Thị Hồng G: 1.723.334 đồng; Lê Thị S2: 1.040.640 đồng; Phạm Văn E1: 861.667 đồng; Đường Thị Thu T9: 1.723.334 đồng; Nguyễn Ngọc C1: 1.040.640 đồng; Diệp Thị N4: 1.040.640 đồng; Mạch Thị Bích T10: 2.154.167 đồng; Nguyễn Thị T11: 693.760 đồng; Lưu Bích T12: 2.125.707 đồng; Ong Thị U: 1.647.680 đồng; Trần Kim C2: 620.400 đồng; Bùi Thanh T13: 775.500 đồng; Dương Thanh V: 1.120.133 đồng; Phạm Thị Hồng L7: 549.227 đồng; Lâm Ngọc T14: 520.320 đồng; Phan Thị T36: 775.500 đồng; Nguyễn Thị Thu V1: 327.434 đồng; Ngô Thị H1: 975.600

đồng; Nguyễn Thị H2: 932.240 đồng; Lý Thị N5: 3.396.533 đồng; Lý Thị N6: 2.429.900 đồng; Trần Thị Hồng T16: 1.242.987 đồng; Nguyễn Thị Bích T17: 1.517.600 đồng; Trần Thị T18: 758.267 đồng; Nguyễn Thị P: 419.147 đồng; Đường Văn T19: 775.500 đồng; Phan Tuyết H16: 621.493 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L8: 953.920 đồng; Phan Tuyết H3: 578.133 đồng; Cao Thị Mỹ V3: 1.309.734 đồng; Nguyễn Trần H4: 932.240 đồng; Nguyễn Thị Thu T20 : 758.267 đồng; Tăng Thị T21: 603.167 đồng; Nguyễn Thị Phương T22: 723.800 đồng; Trần Thị C3: 809.967 đồng; Nguyễn Thị U1: 758.267 đồng; Lâm Chung H5: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Ngọc P1: 375.166 đồng; Phan Thị Huỳnh N7: 603.167 đồng; Nguyễn Thị M1: 1.723.334 đồng; Võ Thị Bé H6: 1.654.400 đồng; Võ Thị Kim L9: 534.234 đồng; Tăng Thanh T23: 844.434 đồng; Trần Thị Thúy H7: 792.734 đồng; Mai Thanh T24: 450.200 đồng; Trần Thị N8: 1.585.467 đồng; Mã Văn G1: 723.800 đồng; Nguyễn Hoàng H8: 775.500 đồng; Nguyễn Thanh S3: 1.171.867 đồng; Trần Thị Thu C4: 780.480 đồng; Kim H9: 723.800 đồng; Phan Thị Bạch T25: 672.100 đồng; Lê Thị Tuyết H10: 1.329.707 đồng; Vũ Thị M2: 1.228.533 đồng; Trần Đức K2: 693.760 đồng; Huỳnh Thị T26: 723.800 đồng; Danh Thị L10: 715.440 đồng; Danh K: 715.440 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 925.013 đồng; Trần Thị Hiền H11: 1.413.134 đồng; Lê Sơn T27: 476.960 đồng; Lê Tuyết N9: 1.271.893 đồng; La Thị Thu H12: 1.912.900 đồng; Văn Thanh T28: 792.734 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T29: 706.567 đồng; Nguyễn Thị D1: 5.928.267 đồng; Huỳnh Thị M3: 1.409.200 đồng; Đỗ Cà B1: 1.222.667 đồng; Trần Thanh T30: 585.934 đồng; Mai Văn T31: 775.500 đồng; Phạm Minh T32: 430.834 đồng; Tô Thị Thùy T33: 661.867 đồng; Lý Thị H13: 585.934 đồng; Nguyễn Thị Thu H14: 758.267 đồng; Lê Thị Thu T34: 206.800 đồng; Nguyễn Thành P2: 861.667 đồng; Nguyễn Kim H15: 654.867 đồng; Mai Thanh T35: 1.171.867 đồng; Huỳnh Văn V2: 1.378.667 đồng.

* Buộc Lê Công T giao nộp lại số tiền gốc đã cho vay và tiền lãi suất ở mức 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) đã thu lợi để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội và tiền phát sinh từ hoạt động phạm tội của Lê Công T cùng đồng phạm, với tổng số tiền là: 741.155.198 đồng (trong đó, tiền gốc Lê Công T cho vay là 718.725.007 đồng, tiền lãi suất thu ở mức 1,66%/tháng là 22.430.191 đồng).

* Buộc 71 người vay tiền phải giao nộp số tiền gốc đã vay mà Lê Công T chưa thu hồi xong để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội của Lê Công T. Tổng số tiền là 114.774.993 đồng, trong đó, từng người nộp cụ thể như sau:

- Lưu Bích T12: 800.000 đồng; Ong Thị U: 2.500.000 đồng; Trần Kim C2: 1.400.000 đồng; Bùi Thanh T13: 500.000 đồng; Dương Thanh V: 3.541.666 đồng; Phạm Thị Hồng L7: 833.333 đồng; Lâm Ngọc T14: 3.000.000 đồng; Phan Thị T36: 500.000 đồng; Nguyễn Thị Thu V1: 3.100.000 đồng; Ngô Thị H1: 375.000 đồng; Nguyễn Thị H2: 625.000 đồng; Lý Thị N5: 416.666 đồng; Lý Thị N6: 900.000 đồng;

Trần Thị Hồng T16: 833.333 đồng; Nguyễn Thị Bích T17: 1.250.000 đồng; Trần Thị T18: 600.000 đồng; Nguyễn Thị P: 1.583.333 đồng; Đường Văn T19: 500.000 đồng; Phan Tuyết H16: 416.666 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L8: 500.000 đồng; Phan Tuyết H3: 666.666 đồng; Cao Thị Mỹ V3: 2.400.000 đồng; Nguyễn Trần H4: 625.000 đồng; Nguyễn Thị Thu T20 : 600.000 đồng; Tăng Thị T21: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Phương T22: 800.000 đồng; Trần Thị C3: 300.000 đồng; Nguyễn Thị U1: 600.000 đồng; Lâm Chủng H5: 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc P1: 916.666 đồng; Phan Thị Huỳnh N7: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị M1: 2.500.000 đồng; Võ Thị Bé H6: 400.000 đồng; Võ Thị Kim L9: 1.900.000 đồng; Tăng Thanh T23: 100.000 đồng; Trần Thị Thúy H7: 400.000 đồng; Mai Thanh T24: 500.000 đồng; Trần Thị N8: 800.000 đồng; Mã Văn G1: 800.000 đồng; Nguyễn Hoàng H8: 500.000 đồng; Nguyễn Thanh S3: 3.200.000 đồng; Trần Thị Thu C4: 1.500.000 đồng; Kim H9: 800.000 đồng; Phan Thị Bạch T25: 1.100.000 đồng; Lê Thị Tuyết H10: 333.333 đồng; Vũ Thị M2: 916.666 đồng; Trần Đức K2: 2.250.000 đồng; Huỳnh Thị T26: 800.000 đồng; Danh Thị L10: 1.875.000 đồng; Danh K: 1.875.000 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 2.666.666 đồng; Trần Thị Hiền H11: 1.800.000 đồng; Lê Sơn T27: 3.250.000 đồng; Lê Tuyết N9: 666.666 đồng; La Thị Thu H12: 3.900.000 đồng; Văn Thanh T28: 5.400.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T29: 900.000 đồng; Nguyễn Thị D1: 5.600.000 đồng; Huỳnh Thị M3: 1.875.000 đồng; Đỗ Cà B1: 1.333.333 đồng; Trần Thanh T30: 1.600.000 đồng; Mai Văn T31: 500.000 đồng; Phạm Minh T32: 2.500.000 đồng; Tô Thị Thùy T33: 1.750.000 đồng; Lý Thị H13: 6.600.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H14: 600.000 đồng; Lê Thị Thu T34: 3.800.000 đồng; Nguyễn Thành P2: 5.000.000 đồng; Nguyễn Kim H15: 1.200.000 đồng; Mai Thanh T35: 3.200.000 đồng; Huỳnh Văn V2: 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố. Về trách nhiệm hình sự, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phần nói lời sau cùng: Các bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Với mục đích cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Từ khoảng tháng 01 năm 2018, Lê Công T đến thành phố R G, tỉnh Kiên Giang mở cơ sở kinh doanh vé máy bay tên Quân Phát tại số C8 chợ B S, phường V L, thành phố R G nhằm che giấu hoạt động cho vay lãi nặng. Tại đây, Lê Công T là người trực tiếp tiến hành các hoạt động cho vay và thuê Đặng Văn T1 làm thủ tục cho vay và đi thu tiền vay cho Lê Công T. Hình thức vay là khi người vay có nhu cầu vay tiền thì đem sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ tùy thân có liên quan bằng bản gốc đến thế chấp. Sau đó, Lê Công T hoặc Đặng Văn T1 đi đến địa chỉ của người vay tiền xác minh, kiểm tra nếu thấy hợp lệ và đúng thì cho vay. Khi làm thủ tục cho vay thì Lê Công T còn yêu cầu người vay ký xác nhận thêm một hợp đồng **thuê** xe để hợp thức hóa việc cho vay lãi nặng. Số tiền Lê Công T cho người vay từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, bằng hình thức trả góp, mỗi ngày góp từ 100.000 đồng đến 480.000 đồng, trả trong thời gian từ 36 đến 50 ngày, với lãi suất dao động thấp nhất từ 12% đến 17%/tháng, tương đương từ 144% đến 204%/năm (theo quy định của Bộ luật hình sự thì lãi suất cho phép là không được gấp 05 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, tương đương không được quá 8,34%/tháng hoặc không quá 100%/năm). Trong thời gian hoạt động, Lê Công T đã cho 112 người vay với tổng số tiền là 833.500.000 triệu đồng, tiền lãi suất ở mức 8,34%/tháng là 97.564.100 đồng, tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay (tiền lãi suất vượt 8,34%/tháng) là 46.180.821 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Tổng số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự được xác định là 46.180.821 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an,

an toàn công cộng của người dân. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét đánh giá hành vi, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn:

+ Đối với bị cáo Lê Công T, bị cáo là người đóng vai trò quyết định trong vụ án, là người đứng tên đăng ký kinh doanh vé máy bay Quân Phát nhằm mục đích che giấu hoạt động cho vay lãi nặng, là người trực tiếp đưa tiền và tiến hành các hoạt động cho vay. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo Đặng Văn T1.

+ Đối với bị cáo Đặng Văn T1, bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Lê Công T. Điều đó thể hiện ở việc bị cáo là người tiến hành các thủ tục cho vay và đi thu tiền vay sau đó về giao lại cho Lê Công T và được Lê Công T trả tiền công. Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, các bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, hành vi của các bị cáo đều vì mục đích vụ lợi và ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời đã áp dụng biện pháp tư pháp là tịch thu số tiền gốc cũng như tiền lãi từ hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra, sau khi bị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì các bị cáo đã trả lại mặt bằng và chấm dứt hoạt động kinh doanh vé máy bay hợp pháp tại địa chỉ C8 chợ B S, phường V L, thành phố R G, về địa phương sinh sống. Hiện tại không có nghề nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo và không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội

mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú **giám sát**, giáo dục cũng đủ rắn đe, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất cho các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập cá nhân của các bị cáo do các bị cáo không có việc làm và nguồn thu nhập ổn định.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, về điều luật áp dụng, về mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Đối với Lê Chí Trung và Nguyễn Văn Mạnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã điều tra, chứng minh làm rõ không có liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Công T, Đặng Văn T1 nên không xử lý, HĐXX miễn xét.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, như đã nhận định nêu trên do đã áp dụng biện pháp tư pháp là tịch thu số tiền gốc cũng như tiền lãi từ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] *Về phần dân sự*: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử giữa các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu xem xét, giải quyết trong vụ án này nên HĐXX miễn xét.

[10] *Về các vấn đề khác*:

** Về vật chứng và xử lý vật chứng*:

- *Trả lại cho chủ sở hữu Lê Công T và Đặng Văn T1*: 01 giấy chứng minh nhân dân số 031015073 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân số 231165739 mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/CT-VKS, ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, dạng bàn phím, số Imei 1: 359000091431772; số Imei 2: 359000091931771, đã qua sử dụng, theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/CT-VKS, ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- *Đối với vật chứng là 16 danh sách thu tiền của khách hàng có chữ ký xác nhận của Lê Công T, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56A8021959 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng*. Do đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, gắn liền với hồ sơ vụ án. Vì vậy, không tịch thu tiêu hủy mà được lưu kèm với hồ sơ vụ án.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã tiến hành trao trả cho cho 112 người vay tiền của Lê Công T các giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ liên quan khác theo Quyết định xử lý vật chứng số 89, ngày 02/10/2019. Trả lại cho bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1: 02 giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát 68G1-276.52 và 68S1-07475, đã qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng, đã qua sử dụng do chứng minh không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và Trả lại cho Vũ Thị M2: 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất mang tên Nguyễn Trọng H17 và Vũ Thị M2 theo đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

** Về biện pháp tư pháp:*

- Buộc bị cáo Lê Công T trả lại cho những người vay số tiền lãi, với mức lãi suất vượt mức 1,66%/tháng (trên 20%/năm) mà bị cáo đã thu, số tiền trả cho từng người vay cụ thể như sau: Tăng Bé N: 1.733.334 đồng; Thị L1: 861.667 đồng; Lê Thị M: 861.667 đồng; Dương Minh T2: 861.667 đồng; Huỳnh Thị Mộng L2: 1.733.334 đồng; Đỗ Thị Thanh T3: 861.667 đồng; Trần Thị L3: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Thùy K: 861.667 đồng; Nguyễn Trường G: 861.667 đồng; Trần Thị C: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Thùy Tr: 693.760 đồng; Tăng Thị N1: 1.387.520 đồng; Nguyễn Thị T11 N2: 2.154.267 đồng; Lê Thị M: 861.667 đồng; Châu Thị Mai E: 1.387.520 đồng; Cao Hữu L4: 1.723.334 đồng; Phan Kim D: 1.422.934 đồng; Lê Tuấn K1: 1.040.640 đồng; Bùi Thanh Tr: 1.723.334 đồng; Võ Quốc T5: 1.387.520 đồng; Nguyễn Ngọc B: 1.040.640 đồng; Châu Thị Kim L5: 1.723.334 đồng; Nguyễn Ngọc T6: 1.734.400 đồng; Nguyễn Thị Ngọc L6: 1.734.400 đồng; Huỳnh Bé S: 1.040.640 đồng; Võ Văn N3: 540.240 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T7: 1.723.334 đồng; Trần Văn Việt Kh: 1.723.334 đồng; Dương Văn T8: 1.040.640 đồng; Hồ Thị Q: 1.040.640 đồng; Phù Chí S1: 861.667 đồng; Lê Thúy A: 1.040.640 đồng; Lê Hồng T9: 1.040.640 đồng; Lê Thị Hồng G: 1.723.334 đồng; Lê Thị S2: 1.040.640 đồng; Phạm Văn E1: 861.667 đồng; Đường Thị Thu T9: 1.723.334 đồng; Nguyễn Ngọc C1: 1.040.640 đồng; Diệp Thị N4: 1.040.640 đồng; Mạch Thị Bích T10: 2.154.167 đồng; Nguyễn Thị T11: 693.760 đồng; Lưu Bích T12: 2.125.707 đồng; Ong Thị U: 1.647.680 đồng; Trần Kim C2: 620.400 đồng; Bùi Thanh T13: 775.500 đồng; Dương Thanh V: 1.120.133 đồng; Phạm Thị Hồng L7: 549.227 đồng; Lâm Ngọc T14: 520.320 đồng; Phan Thị T36: 775.500 đồng; Nguyễn Thị Thu V1: 327.434 đồng; Ngô Thị H1: 975.600 đồng; Nguyễn Thị H2: 932.240 đồng; Lý Thị N5: 3.396.533 đồng; Lý Thị N6: 2.429.900 đồng; Trần Thị Hồng T16: 1.242.987 đồng; Nguyễn Thị Bích T17: 1.517.600 đồng; Trần Thị T18: 758.267 đồng; Nguyễn Thị P: 419.147 đồng; Đường Văn T19: 775.500 đồng; Phan Tuyết H16: 621.493 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L8: 953.920 đồng; Phan Tuyết H3: 578.133 đồng; Cao Thị Mỹ V3: 1.309.734 đồng; Nguyễn Trần H4: 932.240 đồng; Nguyễn Thị Thu T20 : 758.267 đồng; Tăng Thị T21: 603.167 đồng;

Nguyễn Thị Phương T22: 723.800 đồng; Trần Thị C3: 809.967 đồng; Nguyễn Thị U1: 758.267 đồng; Lâm Chủng H5: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Ngọc P1: 375.166 đồng; Phan Thị Huỳnh N7: 603.167 đồng; Nguyễn Thị M1: 1.723.334 đồng; Võ Thị Bé H6: 1.654.400 đồng; Võ Thị Kim L9: 534.234 đồng; Tăng Thanh T23: 844.434 đồng; Trần Thị Thúy H7: 792.734 đồng; Mai Thanh T24: 450.200 đồng; Trần Thị N8: 1.585.467 đồng; Mã Văn G1: 723.800 đồng; Nguyễn Hoàng H8: 775.500 đồng; Nguyễn Thanh S3: 1.171.867 đồng; Trần Thị Thu C4: 780.480 đồng; Kim H9: 723.800 đồng; Phan Thị Bạch T25: 672.100 đồng; Lê Thị Tuyết H10: 1.329.707 đồng; Vũ Thị M2: 1.228.533 đồng; Trần Đức K2: 693.760 đồng; Huỳnh Thị T26: 723.800 đồng; Danh Thị L10: 715.440 đồng; Danh K: 715.440 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 925.013 đồng; Trần Thị Hiền H11: 1.413.134 đồng; Lê Sơn T27: 476.960 đồng; Lê Tuyết N9: 1.271.893 đồng; La Thị Thu H12: 1.912.900 đồng; Văn Thanh T28: 792.734 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T29: 706.567 đồng; Nguyễn Thị D1: 5.928.267 đồng; Huỳnh Thị M3: 1.409.200 đồng; Đỗ Cà B1: 1.222.667 đồng; Trần Thanh T30: 585.934 đồng; Mai Văn T31: 775.500 đồng; Phạm Minh T32: 430.834 đồng; Tô Thị Thùy T33: 661.867 đồng; Lý Thị H13: 585.934 đồng; Nguyễn Thị Thu H14: 758.267 đồng; Lê Thị Thu T34: 206.800 đồng; Nguyễn Thành P2: 861.667 đồng; Nguyễn Kim H15: 654.867 đồng; Mai Thanh T35: 1.171.867 đồng; Huỳnh Văn V2: 1.378.667 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Công T giao nộp lại số tiền gốc đã cho vay và tiền lãi suất ở mức 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) đã thu lợi để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội và tiền phát sinh từ hoạt động phạm tội của Lê Công T cùng đồng phạm, với tổng số tiền là: 741.155.198 đồng (trong đó, tiền gốc Lê Công T cho vay là 718.725.007 đồng, tiền lãi suất thu ở mức 1,66%/tháng là 22.430.191 đồng).

- Buộc 71 người vay tiền phải giao nộp số tiền gốc đã vay mà Lê Công T chưa thu hồi xong để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội của Lê Công T. Tổng số tiền là 114.774.993 đồng. Trong đó, từng người nộp cụ thể như sau:

Lưu Bích T12: 800.000 đồng; Ong Thị U: 2.500.000 đồng; Trần Kim C2: 1.400.000 đồng; Bùi Thanh T13: 500.000 đồng; Dương Thanh V: 3.541.666 đồng; Phạm Thị Hồng L7: 833.333 đồng; Lâm Ngọc T14: 3.000.000 đồng; Phan Thị T36: 500.000 đồng; Nguyễn Thị Thu V1: 3.100.000 đồng; Ngô Thị H1: 375.000 đồng; Nguyễn Thị H2: 625.000 đồng; Lý Thị N5: 416.666 đồng; Lý Thị N6: 900.000 đồng; Trần Thị Hồng T16: 833.333 đồng; Nguyễn Thị Bích T17: 1.250.000 đồng; Trần Thị T18: 600.000 đồng; Nguyễn Thị P: 1.583.333 đồng; Đường Văn T19: 500.000 đồng; Phan Tuyết H16: 416.666 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L8: 500.000 đồng; Phan Tuyết H3: 666.666 đồng; Cao Thị Mỹ V3: 2.400.000 đồng; Nguyễn Trần H4: 625.000 đồng; Nguyễn Thị Thu T20 : 600.000 đồng; Tăng Thị T21: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Phương T22: 800.000 đồng; Trần Thị C3: 300.000 đồng; Nguyễn Thị U1: 600.000

đồng; Lâm Chúng H5: 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc P1: 916.666 đồng; Phan Thị Huỳnh N7: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị M1: 2.500.000 đồng; Võ Thị Bé H6: 400.000 đồng; Võ Thị Kim L9: 1.900.000 đồng; Tăng Thanh T23: 100.000 đồng; Trần Thị Thúy H7: 400.000 đồng; Mai Thanh T24: 500.000 đồng; Trần Thị N8: 800.000 đồng; Mã Văn G1: 800.000 đồng; Nguyễn Hoàng H8: 500.000 đồng; Nguyễn Thanh S3: 3.200.000 đồng; Trần Thị Thu C4: 1.500.000 đồng; Kim H9: 800.000 đồng; Phan Thị Bạch T25: 1.100.000 đồng; Lê Thị Tuyết H10: 333.333 đồng; Vũ Thị M2: 916.666 đồng; Trần Đức K2: 2.250.000 đồng; Huỳnh Thị T26: 800.000 đồng; Danh Thị L10: 1.875.000 đồng; Danh K: 1.875.000 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 2.666.666 đồng; Trần Thị Hiền H11: 1.800.000 đồng; Lê Sơn T27: 3.250.000 đồng; Lê Tuyết N9: 666.666 đồng; La Thị Thu H12: 3.900.000 đồng; Văn Thanh T28: 5.400.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T29: 900.000 đồng; Nguyễn Thị D1: 5.600.000 đồng; Huỳnh Thị M3: 1.875.000 đồng; Đỗ Cà B1: 1.333.333 đồng; Trần Thanh T30: 1.600.000 đồng; Mai Văn T31: 500.000 đồng; Phạm Minh T32: 2.500.000 đồng; Tô Thị Thùy T33: 1.750.000 đồng; Lý Thị H13: 6.600.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H14: 600.000 đồng; Lê Thị Thu T34: 3.800.000 đồng; Nguyễn Thành P2: 5.000.000 đồng; Nguyễn Kim H15: 1.200.000 đồng; Mai Thanh T35: 3.200.000 đồng; Huỳnh Văn V2: 2.000.000 đồng.

- *Án phí hình sự sơ thẩm:*

+ Án phí hình sự: Bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Công T 02 năm 06 tháng (hai năm sáu tháng) cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy Ban nhân dân phường P H T, quận H B, thành phố Hải Phòng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án

Giao bị cáo Lê Công T cho Ủy Ban nhân dân phường P H T, quận H B, thành phố Hải Phòng và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T1 02 năm (hai năm) cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy Ban nhân dân xã I K, huyện G L, tỉnh Gia Lai nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Văn T1 cho Ủy Ban nhân dân xã I K, huyện G L, tỉnh Gia Lai và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng [khoản 1 Điều 46](#), khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Trả lại cho chủ sở hữu Lê Công T và Đặng Văn T1*: 01 giấy chứng minh nhân dân số 031015073 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân số 231165739 mang tên Đặng Văn T1, đã qua sử dụng. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/CT-VKS, ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, dạng bàn phím, số Imei 1: 359000091431772; số Imei 2: 359000091931771, đã qua sử dụng, theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/CT-VKS, ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- *Đối với vật chứng là 16 danh sách thu tiền của khách hàng có chữ ký xác nhận của Lê Công T, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56A8021959 mang tên Lê Công T, đã qua sử dụng.* Do đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, gắn liền với hồ sơ vụ án. Vì vậy, không tịch thu tiêu hủy mà được lưu kèm với hồ sơ vụ án.

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Lê Công T trả lại cho những người vay số tiền lãi, với mức lãi suất vượt mức 1,66%/tháng (trên 20%/năm) mà bị cáo đã thu. Số tiền trả cho từng người vay cụ thể như sau: Tăng Bé N: 1.733.334 đồng; Thị L1: 861.667 đồng; Lê Thị M: 861.667 đồng; Dương Minh T2: 861.667 đồng; Huỳnh Thị Mộng L2: 1.733.334 đồng; Đỗ Thị Thanh T3: 861.667 đồng; Trần Thị L3: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Thùy K: 861.667 đồng; Nguyễn Trường G: 861.667 đồng; Trần Thị C: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Thùy Tr: 693.760 đồng; Tăng Thị N1: 1.387.520 đồng; Nguyễn Thị T11 N2: 2.154.267 đồng; Lê Thị M: 861.667 đồng; Châu Thị Mai E: 1.387.520 đồng; Cao Hữu L4: 1.723.334 đồng; Phan Kim D: 1.422.934 đồng; Lê Tuấn K1: 1.040.640 đồng; Bùi Thanh Tr: 1.723.334 đồng; Võ Quốc T5: 1.387.520 đồng; Nguyễn Ngọc B: 1.040.640 đồng; Châu Thị Kim L5: 1.723.334 đồng; Nguyễn Ngọc T6: 1.734.400 đồng; Nguyễn Thị Ngọc L6: 1.734.400 đồng; Huỳnh Bé S: 1.040.640 đồng; Võ Văn N3: 540.240 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T7: 1.723.334 đồng; Trần Văn Việt Kh: 1.723.334 đồng; Dương Văn T8:

1.040.640 đồng; Hồ Thị Q: 1.040.640 đồng; Phù Chí S1: 861.667 đồng; Lê Thúy A: 1.040.640 đồng; Lê Hồng T9: 1.040.640 đồng; Lê Thị Hồng G: 1.723.334 đồng; Lê Thị S2: 1.040.640 đồng; Phạm Văn E1: 861.667 đồng; Đường Thị Thu T9: 1.723.334 đồng; Nguyễn Ngọc C1: 1.040.640 đồng; Diệp Thị N4: 1.040.640 đồng; Mạch Thị Bích T10: 2.154.167 đồng; Nguyễn Thị T11: 693.760 đồng; Lưu Bích T12: 2.125.707 đồng; Ong Thị U: 1.647.680 đồng; Trần Kim C2: 620.400 đồng; Bùi Thanh T13: 775.500 đồng; Dương Thanh V: 1.120.133 đồng; Phạm Thị Hồng L7: 549.227 đồng; Lâm Ngọc T14: 520.320 đồng; Phan Thị T36: 775.500 đồng; Nguyễn Thị Thu V1: 327.434 đồng; Ngô Thị H1: 975.600 đồng; Nguyễn Thị H2: 932.240 đồng; Lý Thị N5: 3.396.533 đồng; Lý Thị N6: 2.429.900 đồng; Trần Thị Hồng T16: 1.242.987 đồng; Nguyễn Thị Bích T17: 1.517.600 đồng; Trần Thị T18: 758.267 đồng; Nguyễn Thị P: 419.147 đồng; Đường Văn T19: 775.500 đồng; Phan Tuyết H16: 621.493 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L8: 953.920 đồng; Phan Tuyết H3: 578.133 đồng; Cao Thị Mỹ V3: 1.309.734 đồng; Nguyễn Trần H4: 932.240 đồng; Nguyễn Thị Thu T20 : 758.267 đồng; Tăng Thị T21: 603.167 đồng; Nguyễn Thị Phương T22: 723.800 đồng; Trần Thị C3: 809.967 đồng; Nguyễn Thị U1: 758.267 đồng; Lâm Chúng H5: 1.040.640 đồng; Nguyễn Thị Ngọc P1: 375.166 đồng; Phan Thị Huỳnh N7: 603.167 đồng; Nguyễn Thị M1: 1.723.334 đồng; Võ Thị Bé H6: 1.654.400 đồng; Võ Thị Kim L9: 534.234 đồng; Tăng Thanh T23: 844.434 đồng; Trần Thị Thúy H7: 792.734 đồng; Mai Thanh T24: 450.200 đồng; Trần Thị N8: 1.585.467 đồng; Mã Văn G1: 723.800 đồng; Nguyễn Hoàng H8: 775.500 đồng; Nguyễn Thanh S3: 1.171.867 đồng; Trần Thị Thu C4: 780.480 đồng; Kim H9: 723.800 đồng; Phan Thị Bạch T25: 672.100 đồng; Lê Thị Tuyết H10: 1.329.707 đồng; Vũ Thị M2: 1.228.533 đồng; Trần Đức K2: 693.760 đồng; Huỳnh Thị T26: 723.800 đồng; Danh Thị L10: 715.440 đồng; Danh K: 715.440 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 925.013 đồng; Trần Thị Hiền H11: 1.413.134 đồng; Lê Sơn T27: 476.960 đồng; Lê Tuyết N9: 1.271.893 đồng; La Thị Thu H12: 1.912.900 đồng; Văn Thanh T28: 792.734 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T29: 706.567 đồng; Nguyễn Thị D1: 5.928.267 đồng; Huỳnh Thị M3: 1.409.200 đồng; Đỗ Cà B1: 1.222.667 đồng; Trần Thanh T30: 585.934 đồng; Mai Văn T31: 775.500 đồng; Phạm Minh T32: 430.834 đồng; Tô Thị Thùy T33: 661.867 đồng; Lý Thị H13: 585.934 đồng; Nguyễn Thị Thu H14: 758.267 đồng; Lê Thị Thu T34: 206.800 đồng; Nguyễn Thành P2: 861.667 đồng; Nguyễn Kim H15: 654.867 đồng; Mai Thanh T35: 1.171.867 đồng; Huỳnh Văn V2: 1.378.667 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Công T giao nộp lại số tiền gốc đã cho vay và tiền lãi suất ở mức 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) đã thu lợi để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội và tiền phát sinh từ hoạt động phạm tội của Lê Công T cùng đồng phạm, với tổng số tiền là: 741.155.198 đồng (trong đó, tiền gốc Lê Công T cho vay là 718.725.007 đồng, tiền lãi suất thu ở mức 1,66%/tháng là 22.430.191 đồng).

- Buộc 71 người vay tiền phải giao nộp số tiền gốc đã vay mà Lê Công T chưa thu hồi xong để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội của Lê Công T. Tổng số tiền là 114.774.993 đồng. Trong đó, từng người nộp cụ thể như sau:

Lưu Bích T12: 800.000 đồng; Ong Thị U: 2.500.000 đồng; Trần Kim C2: 1.400.000 đồng; Bùi Thanh T13: 500.000 đồng; Dương Thanh V: 3.541.666 đồng; Phạm Thị Hồng L7: 833.333 đồng; Lâm Ngọc T14: 3.000.000 đồng; Phan Thị T36: 500.000 đồng; Nguyễn Thị Thu V1: 3.100.000 đồng; Ngô Thị H1: 375.000 đồng; Nguyễn Thị H2: 625.000 đồng; Lý Thị N5: 416.666 đồng; Lý Thị N6: 900.000 đồng; Trần Thị Hồng T16: 833.333 đồng; Nguyễn Thị Bích T17: 1.250.000 đồng; Trần Thị T18: 600.000 đồng; Nguyễn Thị P: 1.583.333 đồng; Đường Văn T19: 500.000 đồng; Phan Tuyết H16: 416.666 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L8: 500.000 đồng; Phan Tuyết H3: 666.666 đồng; Cao Thị Mỹ V3: 2.400.000 đồng; Nguyễn Trần H4: 625.000 đồng; Nguyễn Thị Thu T20 : 600.000 đồng; Tăng Thị T21: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Phương T22: 800.000 đồng; Trần Thị C3: 300.000 đồng; Nguyễn Thị U1: 600.000 đồng; Lâm Chủng H5: 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc P1: 916.666 đồng; Phan Thị Huỳnh N7: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị M1: 2.500.000 đồng; Võ Thị Bé H6: 400.000 đồng; Võ Thị Kim L9: 1.900.000 đồng; Tăng Thanh T23: 100.000 đồng; Trần Thị Thúy H7: 400.000 đồng; Mai Thanh T24: 500.000 đồng; Trần Thị N8: 800.000 đồng; Mã Văn G1: 800.000 đồng; Nguyễn Hoàng H8: 500.000 đồng; Nguyễn Thanh S3: 3.200.000 đồng; Trần Thị Thu C4: 1.500.000 đồng; Kim H9: 800.000 đồng; Phan Thị Bạch T25: 1.100.000 đồng; Lê Thị Tuyết H10: 333.333 đồng; Vũ Thị M2: 916.666 đồng; Trần Đức K2: 2.250.000 đồng; Huỳnh Thị T26: 800.000 đồng; Danh Thị L10: 1.875.000 đồng; Danh K: 1.875.000 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 2.666.666 đồng; Trần Thị Hiền H11: 1.800.000 đồng; Lê Sơn T27: 3.250.000 đồng; Lê Tuyết N9: 666.666 đồng; La Thị Thu H12: 3.900.000 đồng; Văn Thanh T28: 5.400.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T29: 900.000 đồng; Nguyễn Thị D1: 5.600.000 đồng; Huỳnh Thị M3: 1.875.000 đồng; Đỗ Cà B1: 1.333.333 đồng; Trần Thanh T30: 1.600.000 đồng; Mai Văn T31: 500.000 đồng; Phạm Minh T32: 2.500.000 đồng; Tô Thị Thùy T33: 1.750.000 đồng; Lý Thị H13: 6.600.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H14: 600.000 đồng; Lê Thị Thu T34: 3.800.000 đồng; Nguyễn Thành P2: 5.000.000 đồng; Nguyễn Kim H15: 1.200.000 đồng; Mai Thanh T35: 3.200.000 đồng; Huỳnh Văn V2: 2.000.000 đồng.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Công T và Đặng Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa